**TOÁN**

**Bài 6: Luyện tập chung (T1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được số chẵn, số lẻ, số bé nhất, số lớn nhất trong 4 số có năm chữ số; viết được 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn.

- Làm tròn được số có năm chữ số đến hàng chục, hàng chục nghìn.

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.

-Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.

- Tính được giá trị của biếu thức có hai, ba chữ.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân.

- Có ý thức học tập tốt.

**II. Đồ dùng dạy học**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy- học**

**1. Khởi động:**

- HS tham gia trò chơi để khởi động bài học.

+ Mẹ mua 4 hộp sữa và 2 kg đường. Mỗi hộp sữa có giá 8 000 đồng, 1 kg đường có giá 22 000 đồng. Hỏi mẹ đã mua cả sữa và đường hết bao nhiêu tiền?

-GV cho HS đọc và tìm hiểu đề bài toán, cũng cố lại bài toán giải bằng ba bước tính.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

**2. Thực hành**

**Bài 1.** (Làm việc cá nhân)

a.)Trong các số trên, số nào là số chẵn, số nào là số lẻ?

b.) Viết các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

c.) Làm tròn số bé nhất trong các số trên đến hàng chục.

d.) Làm tròn số lớn nhất trong các số trên đến hàng chục nghìn.

- Học sinh tìm số chẵn và số lẻ, cách sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn, quy tắc làm tròn số.

- Nhận xét, kết luận.

**Bài 2**: Đặt tính rồi tính (Làm việc nhóm 2)

- Cũng cố cách cộng trừ nhân chia trong phạm vi 100 000

- GV lưu ý lại cho học sinh cách đặt tính.

- Chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.

- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- Nhận xét, kết luận.

**Bài 3**:Gía trị của mỗi biểu thức dưới đây là số tiền tiết kiệm (đồng) của mỗi bạn. Hỏi bạn nào có số tiền tiết kiệm nhiều nhất?.(Làm việc cá nhân)

- Học sinh cũng cố kĩ năng tính giá trị của biểu thức có phép cộng, nhân liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn và so sánh các số..

- HS đọc yêu cầu của bài rồi làm bài.

-HS có thể tính nhẩm giá trị của từng biểu thức, so sánh các kết quả tính được rồi kết luận.

- Nhận xét, kết luận.

**Bài 4**: - HS làm theo nhóm.

-Lưu ý : Số khán giả nam = tổng số khán giả - số khán giả nữ.

- Số khán giả nam nhiều hơn số khán giả nữ = số khán giả nam – số khán giả nữ.

- Các nhóm trình bày ,các nhóm khác nhận xét

- Nhận xét, kết luận.

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- Trò chơi Chuyền hoa (Củng cố kiến thức)

- Nhận xét, tuyên dương.

**IV.Những điều chỉnh sau bài dạy:**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------

**TOÁN**

**Bài 6: Luyện tập chung (T2)**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được số chẵn, số lẻ, số bé nhất, số lớn nhất trong 4 số có năm chữ số; viết được 4 số theo thứ tự từ bé đến lớn.

- Làm tròn được số có năm chữ số đến hàng chục, hàng chục nghìn.

- Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000.

-Tính được giá trị của biểu thức liên quan đến phép cộng, trừ, nhân, chia có và không có dấu ngoặc.

- Tính được giá trị của biếu thức có hai, ba chữ.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, trừ, nhân.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**: SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Hoạt động dạy- học**

**1. Khởi động:**

- HS tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Tính nhanh: 349 + 602 + 651 + 398

+ Câu 2:Tính: 3145 - 246 + 2347 - 145 + 4246 – 347

- Nhận xét, tuyên dương.

**2. Thực hành**

**Bài 1.** Đặt tính rồi tính và thử lại (theo mẫu): (Làm việc cá nhân).

- Hướng dẫn học sinh cách đặt tính và thực hiện phép tính nhân và chia.

- Với phép nhân: Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái

- Với phép chia: Thực hiện chia lần lượt từ trái sang phải.

- Nhận xét, kết luận.

**Bài 2**: Tính giá trị của biểu thức (Làm việc nhóm 2)

a) a + b – 135 với a = 539 và b = 243.

b) c + m x n với c = 2 370, m = 105 và n = 6.

-Lưu ý : Thay chữ bằng số vào biểu thức rồi tính giá trị biểu thức đó.
- Cũng cố cách tính giá trị của biểu thức.

- Chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.

- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- Nhận xét, kết luận.

**Bài 3**: HS nêu yêu cầu đề bài.

-Hướng dẫn :

- Số tiền mua 5 quyển vở = số tiền một quyển vở x 5.

- Số tiền Mai đã mua 1 bút mực và 5 quyển vở = giá tiền 1 bút mực + giá tiền 5 quyển vở.

- Số tiền cô bán hàng trả lại Mai = Số tiền Mai đưa cô bán hàng – số tiền Mai đã mua

- HS đọc yêu cầu của bài rồi làm bài.

- Nhận xét, kết luận..

**Bài 4**: Tính giá trị của biểu thức. (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

- HS làm theo nhóm.

-Biểu thức có chứa dấu ngoặc thì thực hiện tính trong ngoặc trước.

- Biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ thì ta thực hiện từ trái sang phải.

-Các nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét

- Nhận xét, kết luận.

**Bài 5**:Trong một chuyến đi du lịch:

Việt hỏi: Chị Hoa ơi, năm nay chị bao nhiêu tuổi?

Chị Hoa trả lời: Năm nay, tuổi của chị là số lẻ bé nhất có hai chữ số.

Em hãy cùng Việt tìm tuổi của chị Hoa năm nay.(Làm bài nhóm 2)
- Các nhóm trình bày, nhận xét

- Nhận xét, kết luận.

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- Trò chơi Ai nhanh ai đúng.

- Nhận xét, tuyên dương.

**IV.Những điều chỉnh sau bài dạy:**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

----------------------------------------